**20. Thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài**

**20.1. Trình tự, cách thức, thời gian thực hiện:**

| **TT** | **Trình tự thực hiện** | **Cách thức thực hiện** | **Thời gian giải quyết** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Bước 1** | **Nộp hồ sơ thủ tục hành chính** | Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định và nộp hồ sơ qua các cách thức sau: |  |
| a) Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Tháp (số 85, đường Nguyễn Huệ, Phường 01, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp). | - Sáng: từ 07 giờ đến 11 giờ 30 phút;  - Chiều: từ 13 giờ 30 đến 17 giờ của các ngày làm việc. |
| b) Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công Tỉnh (dichvucong.dongthap.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn). | 24/24 giờ |
| **Bước 2** | **Tiếp nhận và chuyển hồ sơ thủ tục hành chính** | a) Đối với hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính: Công chức tiếp nhận xem xét, kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ:  - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác, công chức tiếp nhận hồ sơ phải hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định và nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.  - Trường hợp từ chối nhận hồ sơ, công chức tiếp nhận hồ sơ phải nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu từ chối giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính.  - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định, công chức tiếp nhận hồ sơ và lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả; đồng thời, chuyển cho Trưởng phòng, đơn vị có thẩm quyền để giải quyết theo quy trình.  b) Đối với hồ sơ nộp trực tuyến: Công chức tiếp nhận thực hiện chuyển dữ liệu hồ sơ cho Trưởng phòng, đơn vị có thẩm quyền để giải quyết theo quy trình. | Chuyển ngay hồ sơ trong ngày làm việc hoặc vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày. |
| **Bước 3** | Giải quyết thủ tục hành chính | a) Sau khi nhận hồ sơ từ bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, Trưởng phòng, đơn vị giao cho công chức xử lý. Công chức được giao xử lý xem xét, thẩm định hồ sơ, trình phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính: | **15 ngày trong đó:** |
| **- Tiếp nhận hồ sơ** | **0,5 ngày** |
| **- Giải quyết hồ sơ, trong đó:** | **14,5 ngày** |
| ● Lãnh đạo Phòng Hợp tác đầu tư. | 03 ngày |
| ● Chuyên viên Phòng Hợp tác đầu tư. | 07 ngày |
| ● Lãnh đạo Phòng Hợp tác đầu tư. | 03 ngày |
| ● Lãnh đạo Sở. | 01 ngày |
| ● Văn thư. | 0,5 ngày |
| b) Đối với hồ sơ qua thẩm tra, thẩm định chưa đủ điều kiện giải quyết, phòng, đơn vị có thẩm quyền giải quyết trả lại hồ sơ kèm theo thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do, nội dung cần bổ sung theo mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ để gửi cho tổ chức, cá nhân thông qua Bộ phận Một cửa. | Thời gian thông báo trả lại hồ sơ không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ |
| **Bước 4** | **Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính** | Công chức tiếp nhận và trả kết quả nhập vào sổ theo dõi hồ sơ và phần mềm điện tử thực hiện như sau:  - Thông báo cho tổ chức, cá nhân biết trước qua tin nhắn, thư điện tử, điện thoại hoặc qua mạng xã hội được cấp có thẩm quyền cho phép đối với hồ sơ trước thời hạn quy định.  - Tổ chức, cá nhân nhận kết quả theo thời gian, địa điểm ghi trên Giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (xuất trình giấy hẹn trả kết quả).  - Công chức trả kết quả kiểm tra phiếu hẹn và yêu cầu người đến nhận kết quả ký nhận vào sổ và trao kết quả.  - Trường hợp nhận kết quả thông qua dịch vụ bưu chính công ích. (đăng ký theo hướng dẫn của bưu điện) (nếu có) | - Sáng: từ 07 giờ đến 11 giờ 30 phút;  - Chiều: từ 13 giờ 30 đến 17 giờ của các ngày làm việc. |

\* Trường hợp tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại đảo, xã, phường, thị trấn biên giới và xã, phường, thị trấn ven biển; khu vực khác có ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện thêm thủ tục sau:

| **TT** | **Trình tự thực hiện** | **Cách thức thực hiện** | **Thời gian giải quyết** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Bước 1** | **Nộp hồ sơ thủ tục hành chính** | Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định và nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Tháp (số 85, đường Nguyễn Huệ, Phường 01, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp). | - Sáng: từ 07 giờ đến 11 giờ 30 phút;  - Chiều: từ 13 giờ 30 đến 17 giờ của các ngày làm việc. |
| **Bước 2** | **Tiếp nhận và chuyển hồ sơ thủ tục hành chính** | Công chức tiếp nhận hồ sơ xem xét, kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, cập nhật vào cơ sở dữ liệu của phần mềm một cửa điện tử của tỉnh:  a) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác, công chức tiếp nhận hồ sơ phải hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định và nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.  b) Trường hợp từ chối nhận hồ sơ, công chức tiếp nhận hồ sơ phải nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu từ chối giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính.  c) - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định, công chức tiếp nhận hồ sơ và lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả; đồng thời, chuyển cho Trưởng phòng, đơn vị có thẩm quyền để giải quyết theo quy trình. | Chuyển ngay hồ sơ trong ngày làm việc hoặc vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày. |
| **Bước 3** | Giải quyết thủ tục hành chính | a) Sau khi nhận hồ sơ từ bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, Trưởng phòng, đơn vị giao cho công chức xử lý. Công chức được giao xử lý xem xét, thẩm định hồ sơ, trình phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính: | **15 ngày, trong đó:** |
| **- Tiếp nhận hồ sơ** | **0,5 ngày** |
| **- Giải quyết hồ sơ, trong đó:** | **14,5 ngày** |
| **+ Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của cơ quan nhà nước có liên quan:** | **2,5 ngày** |
| ● Lãnh đạo Phòng Hợp tác đầu tư. | 0,5 ngày |
| ● Chuyên viên Phòng Hợp tác đầu tư. | 0,5 ngày |
| ● Lãnh đạo Phòng Hợp tác đầu tư. | 0,5 ngày |
| ● Lãnh đạo Sở. | 0,5 ngày |
| ● Văn thư. | 0,5 ngày |
| **+ Cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến thẩm định gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư.** | **07 ngày** |
| **+ Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, thông báo:** | **05 ngày** |
| ● Chuyên viên Phòng Hợp tác đầu tư. | 02 ngày |
| ● Lãnh đạo Phòng Hợp tác đầu tư. | 01 ngày |
| ● Lãnh đạo Sở. | 01 ngày |
| ● Văn thư. | 01 ngày |
| b) Đối với hồ sơ qua thẩm tra, thẩm định chưa đủ điều kiện giải quyết, phòng, đơn vị có thẩm quyền giải quyết trả lại hồ sơ kèm theo thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do, nội dung cần bổ sung theo mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ để gửi cho tổ chức, cá nhân thông qua Bộ phận Một cửa. | Thời gian thông báo trả lại hồ sơ không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ |
| **Bước 4** | **Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính** | Công chức tiếp nhận và trả kết quả nhập vào sổ theo dõi hồ sơ và phần mềm điện tử thực hiện như sau:  - Thông báo cho tổ chức, cá nhân biết trước qua tin nhắn, thư điện tử, điện thoại hoặc qua mạng xã hội được cấp có thẩm quyền cho phép đối với hồ sơ trước thời hạn quy định.  - Tổ chức, cá nhân nhận kết quả theo thời gian, địa điểm ghi trên Giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (xuất trình giấy hẹn trả kết quả).  - Công chức trả kết quả kiểm tra phiếu hẹn và yêu cầu người đến nhận kết quả ký nhận vào sổ và trao kết quả.  - Trường hợp nhận kết quả thông qua dịch vụ bưu chính công ích. (đăng ký theo hướng dẫn của bưu điện) (nếu có) | - Sáng: từ 07 giờ đến 11 giờ 30 phút;  - Chiều: từ 13 giờ 30 đến 17 giờ của các ngày làm việc. |

**20.2. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

**a) Thành phần hồ sơ:**

- Văn bản đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp gồm những nội dung: thông tin về đăng ký doanh nghiệp của tổ chức kinh tế mà nhà đầu tư nước ngoài dự kiến góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp; ngành, nghề kinh doanh; danh sách chủ sở hữu, thành viên, cổ đông sáng lập, danh sách chủ sở hữu, thành viên, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (nếu có); tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trước và sau khi góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp vào tổ chức kinh tế; giá trị giao dịch dự kiến của hợp đồng góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp; thông tin về dự án đầu tư của tổ chức kinh tế (nếu có);

- Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân, tổ chức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp và tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp;

- Văn bản thỏa thuận nguyên tắc về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp giữa nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp hoặc giữa nhà đầu tư nước ngoài với cổ đông hoặc thành viên của tổ chức kinh tế đó;

- Bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp (đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 65 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

**b) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ.

**20.3. Cơ quan thực hiện:**

Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận hồ sơ thông báo cho nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp.

**20.4. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

- Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 23 của Luật Đầu tư góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp.

- Nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 23 của Luật Đầu tư góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp trong tổ chức kinh tế.

**20.5. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Thông báo về việc đáp ứng điều kiện góp vốn, mua cổ phần, mua lại phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài theo Mẫu A.II.20 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT.

**20.6. Lệ phí:** Không.

**20.7. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Văn bản đăng ký góp vốn/mua cổ phần/mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài theo Mẫu A.I.7 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT.

**20.8. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:**

- Việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp làm tăng tỷ lệ sở hữu của các nhà đầu tư nước ngoài tại tổ chức kinh tế kinh doanh ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài;

- Việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp dẫn đến việc nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 23 của Luật Đầu tư nắm giữ trên 50% vốn điều lệ của tổ chức kinh tế trong các trường hợp: tăng tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài từ dưới hoặc bằng 50% lên trên 50%; tăng tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài khi nhà đầu tư nước ngoài đã sở hữu trên 50% vốn điều lệ trong tổ chức kinh tế;

- Nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của tổ chức kinh tế có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại đảo và xã, phường, thị trấn biên giới; xã, phường, thị trấn ven biển; khu vực khác có ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, trừ tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư tại khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế được thành lập theo quy định của Chính phủ..

**20.9. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đầu tư 2020.

- Điều 26 Luật Đầu tư, Điều 66 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

- Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT.

**20.10. Lưu hồ sơ (ISO):**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | **Bộ phận lưu trữ** | **Thời gian lưu** |
| - Như mục 20.2;  - Kết quả giải quyết TTHC hoặc Văn bản trả lời của đơn vị đối với hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, điều kiện.  - Hồ sơ thẩm định (nếu có)  - Văn bản trình cơ quan cấp trên (nếu có) | Phòng Hợp tác Đầu tư | Sau 01 năm chuyển hồ sơ đến kho lưu trữ của Sở |
| Các biểu mẫu theo Khoản 1, Điều 9, Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả |

**Mẫu A.I.7**

**Văn bản đăng ký góp vốn/mua cổ phần/mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài**

*(Khoản 2 Điều 26 Luật Đầu tư)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**VĂN BẢN ĐĂNG KÝ GÓP VỐN/MUA CỔ PHẦN/MUA PHẦN VỐN GÓP**

Kính gửi: ……….. *(Tên cơ quan đăng ký đầu tư)*

Nhà đầu tư đăng ký góp vốn/mua cổ phần/mua phần vốn góp vào ………*(tên tổ chức kinh tế)*….với các nội dung như sau:

**I. NHÀ ĐẦU TƯ**

**1. Đối với nhà đầu tư là cá nhân:**

Họ tên: …………………Giới tính: ..

Ngày sinh: ………….Quốc tịch: ..

...... *(Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân)*[[1]](#footnote-1) số:.......; ngày cấp.......; Nơi cấp: ...

Địa chỉ thường trú: ...

Chỗ ở hiện tại: ...

Mã số thuế (tại Việt Nam - *nếu có*): ...

Điện thoại: …………….Fax: ……………….Email: ...

**2. Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:**

Tên doanh nghiệp/tổ chức: ....

....*(Tài liệu về tư cách pháp lý của tổ chức)*[[2]](#footnote-2) số: ......; ngày cấp: ....; Cơ quan cấp:.....

Địa chỉ trụ sở: ...

Mã số thuế (tại Việt Nam - *nếu có*): ...

Điện thoại: ……………Fax: ……………… Email: ……… Website *(nếu có)*: ...

***Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:***

Họ tên: …………………Giới tính: ...

Ngày sinh: ………….Quốc tịch: ...

...... *(Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân)* số:.......; ngày cấp.......; Nơi cấp: ...

Địa chỉ thường trú: ...

Chỗ ở hiện tại: ...

Điện thoại: ……………. Fax: ………………. Email: ...

**Nhà đầu tư tiếp theo** *(nếu có):*thông tin kê khai tương tự như nội dung tại mục 1 và 2 ở trên.

**II. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC KINH TẾ NHẬN GÓP VỐN/CỔ PHẦN/PHẦN VỐN GÓP:**

**1. Tên tổ chức kinh tế:**

- Tên bằng tiếng Việt *..*

- Tên bằng tiếng nước ngoài *(nếu có):*

- Tên viết tắt *(nếu có):*

**2. Mã số doanh nghiệp:** ....................... Ngày cấp lần đầu: .............. Ngày điều chỉnh gần nhất *(nếu có)*:

**3. Mã số thuế:**

**4. Loại hình doanh nghiệp:**

**5. Địa chỉ trụ sở chính:***(Đối với dự án ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số nhà, đường phố/xóm, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố. Đối với dự án trong KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số, đường hoặc lô…, tên khu, quận/huyện, tỉnh/thành phố)*.

**6.Ngành, nghề kinh doanh:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên ngành** | **Mã ngành theo VSIC**  *(Lấy mã ngành cấp 4)* | **Mã ngành CPC (\*)**  *(đối với ngành nghề có mã CPC)* |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**7. Vốn điều lệ:**………….*(bằng chữ)* đồng*.*

**8. Tỷ lệ hiện hữu về sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trong tổ chức kinh tế** *(nếu có)***:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên nhà đầu tư nước ngoài** | **Số vốn góp** | | **Tỷ lệ (%)** |
| **VNĐ** | **Tương đương USD** *(nếu có)* |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |
| …. |  |  |  |  |

**9. Danh sách chủ sở hữu, thành viên, cổ đông sáng lập, danh sách chủ sở hữu, thành viên, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài** *(nếu có)*;

**10. Kê khai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại đảo, xã, phường, thị trấn biên giới; xã, phường, thị trấn ven biển; khu vực khác có ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh** *(nếu có)*.

*Ghi rõ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số.... tại...... (vị trí khu đất)*

**III. THÔNG TIN VỀ GIAO DỊCH GÓP VỐN, MUA CỔ PHẦN, MUA PHẦN VỐN GÓP**

*(chỉ liệt kê giao dịch phát sinh)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên nhà đầu tư nước ngoài** | **Quốc tịch** | **Giá trị vốn góp theo vốn điều lệ** | | | **Giá trị giao dịch dự kiến của hợp đồng góp vốn/mua cổ phần/mua phần vốn góp** | |
| **VNĐ** | **Tương đương USD**  *(nếu có)* | **Tỷ lệ (%)** | **VNĐ** | **Tương đương USD** *(nếu có)* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |

**IV. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC KINH TẾ SAU KHI NHẬN VỐN GÓP/CỔ PHẦN/ PHẦN VỐN GÓP:**

**1. Tên tổ chức kinh tế:**

**2. Vốn điều lệ:**……..*(bằng chữ)* đồng.

**3. Tỷ lệ sở hữu:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên nhà đầu tư nước ngoài** | **Quốc tịch** | **Giá trị vốn góp theo vốn điều lệ** | | |
| **VNĐ** | **Tương đương USD** *(nếu có)* | **Tỷ lệ (%)** |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |

**4. Ngành nghề kinh doanh:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên ngành** | **Mã ngành theo VSIC**  *(Lấy mã ngành cấp 4)* | **Mã ngành CPC (\*)**  *(đối với ngành nghề*  *có mã CPC)* |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

*(\*) Chỉ ghi mã ngành CPC đối với các mục tiêu hoạt động thuộc ngành nghề đầu tư có điều kiện áp dụng đối với nhà ĐTNN.*

**V. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA TỔ CHỨC KINH TẾ** *(nếu có)*

**VI. GIẢI TRÌNH VIỆC ĐÁP ỨNG ĐIỀU KIỆN TIẾP CẬN THỊ TRƯỜNG ĐỐI VỚI NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI** *(nếu có)***.**

*(Giải trình về việc đáp ứng điều kiện về tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ; Hình thức đầu tư, phạm vi hoạt động, năng lực của nhà đầu tư, đối tác Việt Nam tham gia thực hiện hoạt động đầu tư và điều kiện khác theo quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế)*

**VII. NHÀ ĐẦU TƯ VÀ TỔ CHỨC KINH TẾ CÓ NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI GÓP VỐN, MUA CỔ PHẦN, MUA PHẦN VỐN GÓP CAM KẾT:**

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

3. Cam kết chịu mọi chi phí, rủi ro nếu việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp không được chấp thuận.

**VIII. HỒ SƠ KÈM THEO**

1. Bản sao tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân, tổ chức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp và tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp.

2. Văn bản thỏa thuận nguyên tắc về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp giữa nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế nhận góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp hoặc giữa nhà đầu tư nước ngoài với cổ đông hoặc thành viên của tổ chức kinh tế đó.

3. Bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của tổ chức kinh tế nhận vốn góp, cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài (đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 65 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP).

... ……., ngày ….. tháng …..năm……

|  |  |
| --- | --- |
| **Tổ chức kinh tế nhận góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp**  Người đại diện theo pháp luật của Tổ chức kinh tế ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu *(nếu có).* | **Nhà đầu tư**  Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên,chức danh và đóng dấu *(nếu có)* |

**Mẫu A.II.20**

**Thông báo về việc đáp ứng điều kiện góp vốn, mua cổ phần, mua lại phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài**

*(Điều 26 Luật Đầu tư, Điều 66 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)*

|  |  |
| --- | --- |
| UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH/ THÀNH PHỐ…….. **CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: ………… | *……, ngày …… tháng ….. năm ……* |

**THÔNG BÁO**

**Về việc đáp ứng điều kiện góp vốn, mua cổ phần, mua lại phần vốn góp của**

**nhà đầu tư nước ngoài**

Kính gửi: Tên nhà đầu tư

*Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 21 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;*

*Căn cứ Thông tư số…/2021/TT-BKHĐT ngày…. của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;*

*Căn cứ …. quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của ... ;*

*Xét văn bản đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp do nhà đầu tư (tên nhà đầu tư)....... nộp ngày .....và hồ sơ bổ sung nộp ngày.... (nếu có),*

**Cơ quan đăng ký đầu tư tỉnh/thành phố….......... thông báo:**

1. Nhà đầu tư/Các nhà đầu tư sau đây đáp ứng/không đáp ứng điều kiện góp vốn/mua cổ phần/mua phần vốn góp vào công ty...... *(tên công ty nhà đầu tư dự kiến góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp)* hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Quyết định thành lập số….ngày…. do*……(tên cơ quan)* cấp lần đầu ngày ……và điều chỉnh ngày……….

***Nhà đầu tư thứ nhất***

*a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:*

Họ tên: ………………… Giới tính:

Ngày sinh: …….......…………. Quốc tịch:

...... *(Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân)*[[3]](#footnote-3) số:.......; ngày cấp.......; Nơi cấp: ..

Mã số thuế (tại Việt Nam – *nếu có*): ..

Địa chỉ thường trú: ..

Chỗ ở hiện tại: .

Điện thoại: ……………. Fax: ………………. Email: ..

*b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:*

Tên doanh nghiệp/tổ chức: ...

....*(Tài liệu về tư cách pháp lý của tổ chức)*[[4]](#footnote-4) số: .....; ngày cấp: .....; Cơ quan cấp:.....

Mã số thuế (tại Việt Nam – *nếu có*): ..

Địa chỉ trụ sở: ..

Điện thoại: …………… Fax: ……………… Email: ……… Website *(nếu có):* ..

***Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức:***

Họ tên: ……………………………. Giới tính: .............................

Chức danh: ………………… Ngày sinh: ……...……................ Quốc tịch: .............

...... *(Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân)* số:.......; ngày cấp.......; Nơi cấp: ..

Địa chỉ thường trú: ...

Chỗ ở hiện tại: ..

Điện thoại: ……………. Fax: ………………. Email: ..

***Nhà đầu tư tiếp theo*** *(nếu có)*: ghi tương tự như nhà đầu tư thứ nhất.

2. Giá trị và tỷ lệ góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của các nhà đầu tư như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên nhà đầu tư nước ngoài** | **Quốc tịch** | **Giá trị vốn góp theo vốn điều lệ** | | | **Giá trị giao dịch dự kiến của hợp đồng góp vốn/mua cổ phần/mua phần vốn góp** | |
| **VNĐ** | **Tương đương USD**  *(nếu có)* | **Tỷ lệ (%)** | **VNĐ** | **Tương đương USD** *(nếu có)* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |

3. Thông tin về tổ chức kinh tế sau khi nhận góp vốn/mua cổ phần/mua phần vốn góp *(trường hợp đáp ứng điều kiện)* như sau:

3.1. Tên tổ chức kinh tế:

3.2. Mã số doanh nghiệp/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư/ Quyết định thành lập số: ……… do ..…… (*tên cơ quan cấp*) cấp lần đầu ngày: ………, lần điều chỉnh gần nhất *(nếu có)* ngày:……....

3.3. Vốn điều lệ (*bằng số*): …VNĐ.

3.4. Tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên nhà đầu tư nước ngoài** | **Quốc tịch** | **Giá trị vốn góp theo vốn điều lệ** | | |
| **VNĐ** | **Tương đương USD** *(nếu có)* | **Tỷ lệ (%)** |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |

3.5. Ngành nghề kinh doanh:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên ngành** | **Mã ngành theo VSIC**  *(Lấy mã ngành cấp 4)* | | **Mã ngành CPC**  *(đối với ngành nghề có mã CPC)* |
|  |  |  | |  |
|  |  |  | |  |
| 3.6. Một số điều kiện *(nếu có)*:  4. Lý do (đối với trường hợp không đáp ứng điều kiện): | | | | |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên; - Tên tổ chức kinh tế nhận góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp; - Phòng đăng ký kinh doanh  (nơi tổ chức kinh tế đặt trụ sở);  - Lưu: VT,… | | | **THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ**  *(ký, ghi rõ họ tên, chức danh*  *và đóng dấu)* | |

1. Là một trong các loại giấy tờ sau: Định danh cá nhân, thẻ Căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác. [↑](#footnote-ref-1)
2. Là một trong các loại giấy tờ sau: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác. [↑](#footnote-ref-2)
3. Là một trong các loại giấy tờ sau: Định danh cá nhân, thẻ Căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác. [↑](#footnote-ref-3)
4. Là một trong các loại giấy tờ sau: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác. [↑](#footnote-ref-4)